TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẠC LIÊU** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2024/DS-ST
Ngày 30 – 5 – 2024
V/v Tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuyết Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dư Thị Út

2. Bà Khưu Liên Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Minh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Minh Muội – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản,theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2024/QĐXX-ST ngày 16 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Thanh H, sinh năm 1977; địa chỉ: Khóm B, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long; đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn T, sinh năm 1967; địa chỉ: Số A L, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (văn bản ủy quyền ngày 29/01/2024)

2. *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1988 và ông Phan Hoàng A, sinh năm 1983; địa chỉ: Số F đường N, khu dân cư P, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu

(Đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị Thanh H là ông Trần Văn T có mặt; bà Nguyễn Thị N, ông Phan Hoàng A vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Võ Thị Thanh H và đại diện theo ủy quyền của bà H ông Trần Văn T trình bày:

Vào tháng 6 năm 2023, gia đình bà Võ Thị Thanh H có nhu cầu cấp hồ sơ hợp thức hóa lối đi trên 2 thửa đất, bà Nguyễn Thị N là cháu bà con của bà H nói có nhận hợp đồng dịch vụ thực hiện làm hai hồ sơ đất đai với giá 140.000.000

đồng, thời gian thực hiện xong 2 hồ sơ là 02 (Hai) tháng kể từ ngày 03/7/2023 đến ngày 03/9/2023 và cam kết rằng trong thời gian trên nếu bà N không thực hiện xong thì trả lại tiền đã nhận cho bà H. Tất cả thỏa thuận đều không lập thành văn bản mà chỉ thỏa thuận miệng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà H đã chuyển tiền cho bà N 02 lần, lần 01, vào ngày 03/7/2023, bà H đã chuyển 70.000.000 đồng vào số Tài khoản 88882266, ngân hàng Thương mại Cổ phần P, chủ tài khoản là bà Nguyễn Thị N, lần 02, vào ngày 10/7/2023, bà H tiếp tục chuyển vào số tài khoản nêu trên số tiền là 25.000.000 đồng. Lý do là bà N yêu cầu chuyển thêm do việc thực hiện thủ tục nhà đất cần chi phí thêm nên yêu cầu chuyển thêm tiền cho bà và cam kết trả tiền lại sau 02 (hai) tháng nếu công việc không được thực hiện.

Kể từ ngày nhận tiền 3/7/2023 đến nay đã quá hạn 02 tháng mà bà N vẫn chưa hoàn thành công việc thỏa thuận. Bà N không trả tiền cho bà H như cam kết ban đầu. Do bà N đã vi phạm nghĩa vụ giao kết trong thỏa thuận giữa hai người nên bà H khởi kiện yêu cầu bà N và chồng là ông Phan Hoàng A trả lại cho bà H số tiền tổng cộng 95.000.000 đồng. Đồng thời yêu cầu bà Nguyễn Thị N, ông Phan Hoàng A phải tiếp tục trả khoản tiền lãi của số tiền trên kể từ ngày bà N nhận được tiền đến ngày Tòa xét xử sơ thẩm.

Tại Biên bản xác định ý kiến ngày 09/5/2024 bị đơn bà Nguyễn Thị N có ý kiến trình bày: Giữa bà và bà H có giao dịch mượn số tiền 95.000.000 đồng (hai lần chuyển khoản như chứng từ bà H cung cấp), số tiền này không thỏa thuận lãi, ngày 01/3/2024 bà N đã trả cho bà H 25.000.000 đồng. Nay bà chỉ đồng ý trả cho bà H số tiền còn lại là 70.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi. Bên cạnh đó bà N cho biết đây là nợ riêng của bà khoản tiền trên chỉ một mình bà sử dụng không liên quan đến ông A. Bà N sử dụng cho việc làm ăn của riêng bà nhưng không nhớ cụ thể từng khoản như thế nào.

Ông Phan Hoàng A1 được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp, phiên hòa giải nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận ý kiến được.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị Thanh H là ông Trần Văn T xác định bà H sau khi rà soát, kiểm tra lại các lần chuyển khoản trước đây thì thấy rằng bà N chỉ còn nợ bà H số tiền 70.000.000 đồng. Vì vậy tại phiên tòa đại diện nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu đối với số tiền 25.000.000 đồng, chỉ yêu cầu bà N trả cho bà H số tiền 70.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi số tiền nêu trên kể từ ngày thụ lý vụ án (16/02/2024) cho đến ngày Tòa án mở phiên tòa xét xử theo lãi xuất 10%/năm. Ngoài ta không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác và không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người làm chứng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo

đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát không có kiến nghị gì. Bị đơn bà Nguyễn Thị N ông Phan Hoàng A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà N ông A là đúng quy định. Vì vậy về tố tụng Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

- Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thanh H, buộc bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm trả cho bà H số tiền 70.000.000 đồng và không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi đối với số tiền nêu trên. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H đối với ông A do không đủ cơ sở. Đình chỉ phần nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc 25.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu. Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn bà Nguyễn Thị N và ông Phan Hoàng A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Võ Thị Thanh H khởi kiện tranh chấp "*đòi lại tài sản*" với bị đơn bà Nguyễn Thị N và ông Phan Hoàng A. Bà N và ông A có nơi cư trú tại Phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu nên đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu theo khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Theo đơn khởi kiện, bà Võ Thị Thanh H yêu cầu bà Nguyễn Thị N và ông Phan Hoàng A trả cho bà số tiền còn nợ là 95.000.000 đồng, tại phiên phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại yêu cầu đối với số tiền 25.000.000 đồng mà bà N đã chuyển trả cho bà H. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút nêu trên của nguyên đơn.

[3]*Về nội dung vụ án:*

[3.1] Bà Võ Thị Thanh H yêu cầu bà Nguyễn Thị N và ông Phan Hoàng A trả số tiền gốc là 70.000.000 đồng, phía bà N thừa nhận giữa bà và bà H có giao dịch số tiền 95.000.000 đồng, thông qua hai lần chuyển khoản vào tài khoản 88882266, ngân hàng Thương mại Cổ phần P của bà N như chứng từ bà H cung cấp vào ngày 3/7/2023 và 10/7/2023 là đúng, sau khi Tòa án thụ lý vụ án, ngày 01/3/2024, bà N chuyển số tiền 25.000.000 đồng cho bà H, đối trừ lại bà N còn

nợ bà H là 70.000.000 đồng và đồng ý trả khoản tiền này. Căn cứ theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì sự thừa nhận của đương sự là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Như vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị Thanh H đối với bà Nguyễn Thị N về số tiền gốc là 70.000.000 đồng.

[3.2] Đối với ông Phan Hoàng A: Bà H yêu cầu bà N và ông A cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà H do ông A là Công an, bà H tin tưởng nên mới giao tiền cho bà N. Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu đã ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự giữa bà Nguyễn Thị N và ông Phan Hoàng A vào ngày 19/10/2022, cho nên bà N và ông A đã chấm dứt quan hệ vợ chồng kể từ ngày ra quyết định. Mặt khác, giao dịch giữa bà H và bà N xảy ra từ tháng 7/2023, lúc này bà N và ông A đã không còn là vợ chồng, đây là giao dịch riêng giữa bà H và bà N, không chứng minh được ông A có nhận, sử dụng khoản tiền này. Quá trình tố tụng vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn cũng không đưa ra chứng cứ chứng minh được nghĩa vụ của ông Phan Hoàng A, không chứng minh được việc ông A có sử dụng số tiền bà H chuyển khoản trên thực tế. Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu buộc trả nợ của bà H đối với ông Phan Hoàng A.

[3.3] Về tiền lãi: Đại diện nguyên đơn là ông Trần Văn T yêu cầu bà N trả cho bà H số tiền 70.000.000 đồng và tính lãi suất 10%/năm kể từ ngày thụ lý vụ án là ngày 16/02/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 30/5/2024. Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế giữa bà Võ Thị Thanh H và bà Nguyễn Thị N có thỏa thuận giao nhận số tiền 95.000.000 đồng. Bà H xác định mục đích giao nhận tiền để bà N làm giấy tờ đất đai cho mình, phía bà N không có ý kiến trình bày về vấn đề này.

Xét thấy, T1 giao dịch giữa bà H và bà N không thể hiện bằng văn bản nhưng trên thực tế bà N đã nhận số tiền 95.000.000 đồng, sau khi tòa án thụ lý vụ án bà N cũng không có ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của bà H nên có căn cứ chấp nhận ý kiến trình bày của bà H, căn cứ vào Điều 166; Điều 357 và 358 của Bộ Luật Dân sự năm 2015 thì yêu cầu tính lãi của đại diện nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét lãi suất nguyên đơn yêu cầu là 10%/năm là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Kể từ ngày thụ lý vụ án, ngày 16/02/2024 đến ngày xét xử 30/5/2024 là 3 tháng 14 ngày, tiền lãi là 70.000.000đ x 10%/năm x 03tháng 14 ngày = 2.022.242 đồng

Như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa.

[4] Về án phí:

Bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả cho Võ Thị Thanh H tổng số tiền là 72.022.242 đồng nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.601.112 đồng.

Nguyên đơn là bà Võ Thị Thanh H yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, Bà H đã nộp 2.375.000 đồng

tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0002369 ngày 31/01/2024, bà H được hoàn lại toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Điều 166; 357; 358 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thanh H đối với bà Nguyễn Thị N.

Buộc bà Nguyễn Thị N trả cho bà Võ Thị Thanh H số tiền gốc và lãi tính đến ngày 30/5/2024 là 72.022.242 đồng, trong đó tiền gốc là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi 2.022.242 đồng (Hai triệu không trăm hai mươi hai nghìn hai trăm bốn mươi hai đồng).

Kể từ ngày có đơn thi hành án đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 357 cuả Bộ luật dân sự 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thanh H đối với ông Phan Hoàng A.

3. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thanh H đối với số tiền gốc là 25.000.000 đồng.

4. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.601.112 đồng (Ba triệu sáu trăm lẻ một nghìn một trăm mười hai đồng).

Bà Võ Thị Ngọc H1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, Bà H1 đã nộp 2.375.000 đồng (*Hai triệu ba trăm bảy mười lăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0002369 ngày 31/01/2024 được hoàn lại toàn bộ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật

Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

5. Án xử công khai, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bạc Liêu;
-VKSND thành Tp. Bạc Liêu;
-CCTHADS Tp. Bạc Liêu;
-Đương sự;
-Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lâm Thị Tuyết Anh